

**CÔNG TY TNHH MTV TÀI NÔNG GROW**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV TÀI NÔNG GROW

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2200807404

**3. Ngày thành lập:** 11/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

thửa đất số 8, tờ bản đồ số 2, ấp Tà Lọt C, Xã Thạnh Trị, Huyện Thạnh Trị, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Điện thoại: 0945 996 339

Fax:

Email: [tainonggrow@gmail.com](mailto:tainonggrow@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý phân bón, nông sản, lương thực, nông sản thực phẩm chế biến                                                                                                                           | 4610                                                         |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                                      | 4620                                                         |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                               | 4631(Chính)                                                  |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                           | 4632                                                         |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                       | 4653                                                         |
| 6.  | Trồng lúa                                                                                                                                                                                                                                    | 0111                                                         |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                 | 0161                                                         |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                              | 0163                                                         |
| 9.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                                                | 0164                                                         |
| 10. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                                                     | 0321                                                         |
| 11. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                                  | 0322                                                         |
| 12. | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                | 4690                                                         |
| 13. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                      | 1020                                                         |
| 14. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                 | 1030                                                         |
| 15. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                                                                  | 1061                                                         |
| 16. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                | 1062                                                         |
| 17. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                               | 1079                                                         |
| 18. | Sản xuất than cốc<br>Chi tiết: Sản xuất củi trấu                                                                                                                                                                                             | 1910                                                         |
| 19. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                          | 2012                                                         |
| 20. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp                                                                                                                                                                      | 2021                                                         |
| 21. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                       | 2029                                                         |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                               | 4933                                                         |
| 23. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                          | 5022                                                         |
| 24. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN QUỐC HOÀN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/05/1986 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 095086011029

Ngày cấp: 23/07/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 30 đường Châu Văn Đăng, khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: thửa đất số 8, tờ bản đồ số 2, ấp Tà Lọt C, Xã Thạnh Trị, Huyện Thạnh Trị, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN QUỐC HOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/05/1986 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 095086011029

Ngày cấp: 23/07/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 30 đường Châu Văn Đăng, khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: thửa đất số 8, tờ bản đồ số 2, ấp Tà Lọt C, Xã Thạnh Trị, Huyện Thạnh Trị, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Sóc Trăng